

KIẾN THỨC SẢN PHẨM



NỘI DUNG:

1

MỤC TIÊU KHÓA HỌC:



2

KIẾN THỨC SẢN PHẨM



3

XỬ LÝ TÌNH HUỐNG



MỤC TIÊU KHÓA HỌC

- NẮM ĐƯỢC TẤT CẢ THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM XE MÁY ĐANG BÁN GIA HÒA.
- ĐẢM BẢO NHỚ RÕ CÁC THÔNG TIN, THÔNG SỐ.

KIẾN THỨC SẢN PHẨM



XE TAY GA

XE SỐ



XE CÔN TAY



XE ĐIỆN



XE TAY GA



HONDA SH 350i, 160i, 125i

Tại Việt Nam, mẫu xe SH từ lâu đã trở thành biểu tượng của sự đẳng cấp, sang trọng và hoàn mỹ. Được trang bị công nghệ tiên tiến, mẫu xe này không những phô diễn sức mạnh ấn tượng và khả năng vận hành vượt trội, mà còn tôn vinh sự tinh tế, lịch lãm của chủ sở hữu.



SH 350i (K1WK)

- Cao cấp (V00): Trắng đen
- Đặc biệt (V11): xám đen
- Thể thao (V10): Xanh đen, xám đen

Bình xăng
9,3l

Cốp xe 28l

Trọng lượng
172kg

Tiêu thụ
3,52l/100km

Các công nghệ nổi bật trên SH350i

- **Phanh ABS 2 kênh (trên bản ABS):** Chống bó cứng phanh **cả bánh trước và sau**, giúp kiểm soát an toàn trong tình huống phanh gấp hoặc đường trơn trượt.
- **Hệ thống kiểm soát lực kéo (HSTC)** Chỉ có ở phiên bản ABS. Giúp **chống trượt bánh sau** khi tăng ga đột ngột, nhất là trên đường trơn hoặc ướt – công nghệ thường thấy trên xe mô tô phân khối lớn.
- **Honda SMART Key – Khóa thông minh.**
- **Cổng sạc USB Type-C** Nằm trong hộc trước – tiện lợi cho sạc điện thoại, thiết bị di động khi đi xa.
- **Kết nối Bluetooth (My Honda+)** liên kết với điện thoại để xem **thông tin hành trình, lịch bảo dưỡng, cảnh báo lỗi** (Chỉ có ở bản ABS) mang lại trải nghiệm thông minh hiện đại.
- **Đèn LED toàn xe, đèn chiếu sáng, định vị và hậu đều dùng LED siêu sáng**, tiết kiệm điện.

SH 160i (KORJ) – 125i (KOSJ)

- Tiêu chuẩn (V00): Trắng đen, đỏ đen, đen.
- Cao cấp (V05): Trắng đen, đỏ đen
- Đặc biệt (V25): Đen nhám
- Thể thao (V35): Xám

Bình xăng
7l

Cốp xe 28l

Trọng lượng
133kg

Tiêu thụ
2.2l/100km

Các công nghệ nổi bật trên SH160i và SH125i

- Hệ thống phanh ABS hoặc CBS tùy phiên bản – giúp tăng độ an toàn khi phanh gấp.
- Đèn chiếu sáng LED toàn bộ – cải thiện khả năng chiếu sáng và độ bền.
- Khóa thông minh (Honda SMART Key) – tiện lợi, chống trộm hiệu quả.
- Cổng sạc USB Type-C – sạc điện thoại và thiết bị di động dễ dàng.
- Hộc đựng đồ rộng rãi dưới yên, tích hợp đèn soi tiện lợi.
- SH160i có hệ thống kiểm soát lực kéo (HSTC) ở bản ABS – hỗ trợ chống trượt bánh sau.
- SH160i có kết nối My Honda+ (qua Bluetooth) – xem thông tin xe, nhắc bảo dưỡng qua điện thoại.
- Màn hình LCD hiện đại – hiển thị đa thông tin (trên cả 160i và 125i).

Hạng mục	SH 350i	SH 160i	SH 125i
Kích thước (DxRxH)	2.160 × 743 × 1.161 mm	2.090 × 739 × 1.129 mm	2.090 × 739 × 1.129 mm
Chiều dài cơ sở	1.450 mm	1.353 mm	1.353 mm
Chiều cao yên	805 mm	799 mm	799 mm
Khoảng sáng gầm	132 mm	146 mm	146 mm
Khối lượng bản thân	172 kg	133 kg (ABS/CBS)	133 kg (ABS/CBS)
Dung tích bình xăng	9,3 L	7 L	7 L
Động cơ	Xăng, 4 kỳ, 1 xy-lanh, làm mát bằng dung dịch (eSP+)	Xăng, 4 kỳ, 1 xy-lanh, làm mát bằng dung dịch (eSP+)	Xăng, 4 kỳ, 1 xy-lanh, làm mát bằng dung dịch (eSP+)
Dung tích xy-lanh	330 cm ³	156,9 cm ³	124,8 cm ³
Công suất tối đa	21,5 kW / 7.500 rpm	12,4 kW / 8.500 rpm	9,6 kW / 8.250 rpm
Mô-men xoắn cực đại	31,8 Nm / 5.250 rpm	14,8 Nm / 6.500 rpm	12 Nm / 6.500 rpm
Tiêu thụ nhiên liệu	3,52 L / 100 km	2,24 L / 100 km	2,2 L / 100 km
Hệ thống phanh	ABS 2 kênh (trước & sau)	ABS 2 kênh hoặc CBS	ABS 2 kênh hoặc CBS
Kiểm soát lực kéo (HSTC)	Có	Có (Phiên bản ABS)	Không
Kết nối Bluetooth (My Honda+)	Có	Có	Không
Cổng sạc USB-C	Có	Có	Có
Đèn chiếu sáng & ESS	LED, ESS	LED, ESS	LED, ESS
Khóa thông minh (Smart-Key)	Có	Có	Có

Ghi chú các điểm khác biệt nổi bật

1. Sức mạnh & mục đích sử dụng: SH 350i mạnh gần gấp đôi SH 160i và hơn SH 125i ~2,2 lần – phù hợp chạy xa.
2. Dung tích bình xăng: SH 350i lớn hơn rõ rệt – 9,3L so với 7L.
3. Công nghệ an toàn: HSTC chỉ có ở SH 350i & SH 160i bản ABS.
4. Kết nối thông minh: SH 350i & SH 160i có My Honda+, SH 125i không có.
5. Trọng lượng & chiều cao yên: SH 350i cao và nặng hơn – người thấp nên cân nhắc.
6. Chi phí vận hành: SH 125i tiết kiệm nhiên liệu nhất – phù hợp chạy hằng ngày đô thị.

HONDA SH Mode 125

Luôn được đánh giá cao bởi kiểu dáng sang trọng cùng phong cách
Châu Âu thời trang, thanh lịch đầy quyến rũ



SH Mode (K1NG)

- Tiêu chuẩn (V01): Đỏ, trắng, xanh
- Cao cấp (V16): Đỏ đen, xanh đen
- Đặc biệt (V13): Đen nhám, bạc đen
- Thể thao (V17): Xám đen

Bình xăng
5,6l

Cốp xe 18l

Trọng lượng
116kg

Tiêu thụ
2.12l/100km

Các công nghệ nổi bật trên SH Mode 125

1. **Động cơ eSP+ 4 van thế hệ mới:** Động cơ 125cc, làm mát bằng dung dịch. Tiết kiệm nhiên liệu với mức tiêu thụ chỉ 2,12 lít/100 km.
2. **Khung sườn dập thế hệ mới:** Khung nhẹ, bền, giúp xe vận hành ổn định và tiết kiệm nhiên liệu.
3. **Hệ thống chống bó cứng phanh ABS:**
 - Có trên các phiên bản Thể thao, Đặc biệt, Cao cấp.
 - ABS cho bánh trước giúp xe ổn định khi phanh gấp trên đường trơn.
4. **Khóa thông minh (Honda SMART Key):** Mở/tắt xe không cần chìa, tăng tiện lợi và bảo mật.
5. **Cổng sạc USB tiện lợi:** Tích hợp trong hộc trước để sạc điện thoại hoặc thiết bị di động.
6. **Cốp chứa đồ rộng rãi:** Dung tích cốp 18,5 lít, đựng được mũ bảo hiểm và vật dụng cá nhân.
7. **Hệ thống đèn LED hiện đại:** Cụm đèn trước LED, thiết kế lấy cảm hứng từ chai nước hoa cao cấp.
8. **Mặt đồng hồ thiết kế cao cấp:** Lấy cảm hứng từ đồng hồ đeo tay, có viền phát sáng, dễ quan sát ngày đêm.

Đặc điểm	Tiêu chuẩn	Cao cấp	Đặc biệt	Thể thao
Phanh ABS trước	Không	Có	Có	Có
Khóa Smart Key	Không	Có	Có	Có
Đèn chiếu sáng LED	Có	Có	Có	Có
Cổng sạc USB	Không	Có	Có	Có
Logo	Trắng nổi	Trắng 3D	Vàng 3D	Đen mờ
Sơn xe	Sơn bóng	Sơn bóng	Sơn nhám	Sơn nhám
Yên xe	Đơn sắc	Hai tông màu	Hai tông màu	Hai tông thể thao
Phong cách	Phổ thông	Thời trang	Sang trọng	Cá tính
Giá đề xuất	~56 triệu	~58 triệu	~59 triệu	~59,5 triệu
Đặc điểm	Tiêu chuẩn	Cao cấp	Đặc biệt	Thể thao

- Smart Key + ABS + USB-C chỉ có từ bản Cao cấp trở lên** → Tiêu chuẩn là bản duy nhất **không có** các tiện ích này.
- Logo & Sơn** là yếu tố nhận diện thị giác:
 - Tiêu chuẩn: logo trắng thường, sơn bóng
 - Đặc biệt: logo vàng, sơn nhám cao cấp
 - Thể thao: logo đen, phối màu độc đáo, cá tính
- Thể thao là bản có thiết kế riêng biệt nhất**, còn các bản khác thiên về thanh lịch, cao cấp.

HONDA VARIO 160 / 125

Vario khẳng định vị thế riêng biệt với thiết kế tổng thể mang DNA thể thao độc đáo, cá tính; động cơ eSP+ công suất 160cc mạnh mẽ cùng trang bị hệ thống đèn LED hiện đại xứng đáng là mẫu xe ga thể thao phù hợp với các khách hàng thích phong cách phá cách và năng động.



Vario 160 (K2SG)

- Tiêu chuẩn (V00): Đen bạc
- Cao cấp (V01): Xanh đen
- Đặc biệt (V10): Đỏ
- Thể thao (V11): Xám đen bạc

Bình xăng
5,5l

Cốp xe 17,9l

Trọng lượng
117kg

Tiêu thụ
2.2l/100km

Các công nghệ nổi bật trên Vario 160

- **Động cơ eSP+ 4 van 160cc:** Mạnh mẽ, tăng tốc tốt, phù hợp cho cả đô thị và đường trường.
- **Khung sườn eSAF:** Giảm trọng lượng, tăng độ cứng vững, cải thiện khả năng vận hành.
- **Phanh ABS (trên phiên bản ABS):** Tăng cường an toàn khi phanh gấp.
- **Mặt đồng hồ LCD hiện đại:** Hiển thị rõ ràng các thông tin vận hành.
- **Hộc đựng đồ rộng rãi:** Dung tích lên đến 17,9 lít, tiện lợi cho việc chứa đồ.

Vario 125 (K2VG)

- Đặc biệt (V03): Đen nhám
- Đặc biệt (V04): Đỏ đen
- Thể thao (V02): Xanh đen

Bình xăng
5,5l

Cốp xe 17,9l

Trọng lượng
117kg

Tiêu thụ
2l/100km

Các công nghệ nổi bật trên Vario 125

- Động cơ eSP+ 4 van 125cc:** Tiết kiệm nhiên liệu, vận hành êm ái, phù hợp cho di chuyển trong đô thị.
- Hệ thống Idling Stop:** Tự động ngắt động cơ khi dừng, giúp tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải.
- Khóa thông minh SmartKey:** Tiện lợi và tăng cường bảo mật.
- Giá thành hợp lý:** Phù hợp với người dùng có ngân sách hạn chế hoặc mới bắt đầu sử dụng xe tay ga.

Hạng mục	Honda Vario 160	Honda Vario 125
Kích thước (DxRxC)	1.929 x 679 x 1.088 mm	1.918 x 679 x 1.066 mm
Chiều dài cơ sở	1.278 mm	1.280 mm
Chiều cao yên	778 mm	769 mm
Khoảng sáng gầm xe	138 mm	131 mm
Khối lượng bản thân	115 kg (CBS) - 117 kg (ABS)	113 kg
Dung tích bình xăng	5,5 lít	5,5 lít
Động cơ	eSP+ 4 van, 4 kỳ, 1 xi-lanh, làm mát bằng dung dịch	eSP, 4 kỳ, 1 xi-lanh, làm mát bằng dung dịch
Dung tích xi-lanh	156,93 cc	124,8 cc
Công suất tối đa	11,3 kW tại 8.500 vòng/phút	8,2 kW tại 8.500 vòng/phút
Mô-men xoắn cực đại	13,8 Nm tại 7.000 vòng/phút	10,8 Nm tại 5.000 vòng/phút
Hệ thống truyền động	Vô cấp	Vô cấp
Phanh trước/sau	Đĩa thủy lực / Đĩa thủy lực (ABS hoặc CBS)	Đĩa thủy lực / Phanh cơ (CBS)
Kích cỡ lốp trước/sau	100/80-14M/C 48P; 120/70-14M/C 61P	90/80-14M/C 43P; 100/80-14M/C 48P
Phuộc trước/sau	Ống lồng / Lò xo trụ, giảm chấn thủy lực	Ống lồng / Lò xo trụ đơn, giảm chấn thủy lực
Tiêu thụ nhiên liệu	≈ 2,13 – 2,14 lít/100 km	≈ 1,67 – 2,0 lít/100 km

Ghi chú các điểm khác biệt nổi bật:

- Hiệu suất động cơ:** Vario 160 mạnh mẽ hơn với dung tích xi-lanh lớn hơn và công suất cao hơn, phù hợp cho những ai cần sức mạnh và di chuyển xa.
- Trang bị an toàn:** Vario 160 có tùy chọn phanh ABS, trong khi Vario 125 chỉ trang bị CBS.
- Tiện ích và công nghệ:** Vario 160 sở hữu nhiều công nghệ tiên tiến hơn như khung sườn eSAF, mặt đồng hồ LCD hiện đại.
- Giá cả:** Vario 125 có giá thành thấp hơn, phù hợp với người dùng có ngân sách hạn chế

HONDA Air Blade 160 / 125

Xứng danh mẫu xe tay ga thể thao tầm trung hàng đầu, Air Blade là sự kết hợp giữa sự sắc sảo và phong cách thể thao, là lời hồi đáp dành cho những tâm hồn trẻ trung luôn khát khao thể hiện sự mạnh mẽ và cá tính trên mọi hành trình.



Air Blade 160 (K2ZF)

- Tiêu chuẩn (V00): Đen bạc
- Cao cấp (V01): Bạc xanh đen
- Đặc biệt (V02): Xanh đen vàng
- Thể thao (V03): Xám đỏ đen

Bình xăng
4,4l

Cốp xe 23,3l

Trọng lượng
114kg

Tiêu thụ
2.19l/100km

Các công nghệ nổi bật trên Air Blade 160

- **Động cơ eSP+ 4 van 160cc:** Mạnh mẽ, tăng tốc tốt, phù hợp cho cả đô thị và đường trường.
- **Phanh ABS (trên phiên bản ABS):** Tăng cường an toàn khi phanh gấp.
- **Mặt đồng hồ LCD hiện đại:** Hiển thị rõ ràng các thông tin vận hành.
- **Hộc đựng đồ rộng rãi:** Dung tích lên đến 23,2 lít, tiện lợi cho việc chứa đồ.

Air Blade 125 (K3AF)

- Tiêu chuẩn (V00): Đen bạc
- Cao cấp (V01): Bạc xanh đen, bạc đỏ đen
- Đặc biệt (V02): Đen vàng
- Thể thao (V03): Xám đỏ đen

Bình xăng
4,4l

Cốp xe 23,3l

Trọng lượng 115kg
(CBS) – 113 (ABS)

Tiêu thụ
2.14l/100km

Các công nghệ nổi bật trên Air Blade 125

- **Động cơ eSP 125cc:** Tiết kiệm nhiên liệu, vận hành êm ái, phù hợp cho di chuyển trong đô thị.
- **Hệ thống Idling Stop:** Tự động ngắt động cơ khi dừng, giúp tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải.
- **Khóa thông minh SmartKey:** Tiện lợi và tăng cường bảo mật.
- **Giá thành hợp lý:** Phù hợp với người dùng có ngân sách hạn chế hoặc mới bắt đầu sử dụng xe tay ga

Hạng mục	Honda Air Blade 160	Honda Air Blade 125
Kích thước (DxRxC)	1.890 x 686 x 1.116 mm	1.887 x 687 x 1.092 mm
Chiều dài cơ sở	1.286 mm	1.286 mm
Chiều cao yên	775 mm	775 mm
Khoảng sáng gầm xe	142 mm	141 mm
Khối lượng bản thân	114 kg	113 kg
Dung tích bình xăng	4,4 lít	4,4 lít
Động cơ	eSP+ 4 van, 4 kỳ, 1 xi-lanh, làm mát bằng dung dịch	eSP+ 4 van, 4 kỳ, 1 xi-lanh, làm mát bằng dung dịch
Dung tích xi-lanh	156,9 cc	124,8 cc
Công suất tối đa	11,2 kW tại 8.000 vòng/phút	8,75 kW tại 8.500 vòng/phút
Mô-men xoắn cực đại	14,6 Nm tại 6.500 vòng/phút	11,3 Nm tại 6.500 vòng/phút
Hệ thống truyền động	Vô cấp (CVT)	Vô cấp (CVT)
Phanh trước/sau	Đĩa thủy lực / Đĩa thủy lực (ABS hoặc CBS)	Đĩa thủy lực / Phanh cơ (CBS)
Kích cỡ lốp trước/sau	90/80-14; 100/80-14	80/90-14; 90/90-14
Phuộc trước/sau	Ống lồng / Lò xo trụ, giảm chấn thủy lực	Ống lồng / Lò xo trụ, giảm chấn thủy lực
Mức tiêu thụ nhiên liệu	~2,19 lít/100 km	~2,14 lít/100 km

Ghi chú các điểm khác biệt nổi bật:

- Hiệu suất động cơ:** Air Blade 160 mạnh mẽ hơn với dung tích xi-lanh lớn hơn và công suất cao hơn, phù hợp cho những ai cần sức mạnh và di chuyển xa.
- Trang bị an toàn:** Air Blade 160 có tùy chọn phanh ABS, trong khi Air Blade 125 chỉ trang bị CBS.
- Tiện ích và công nghệ:** Air Blade 160 sở hữu nhiều công nghệ tiên tiến hơn như mặt đồng hồ LCD hiện đại.
- Giá cả:** Air Blade 125 có giá thành thấp hơn, phù hợp với người dùng có ngân sách hạn chế.

HONDA Lead 125

Thiết kế năng động, động cơ eSP+ 125cc tiên tiến cùng tiện ích vượt trội, LEAD ABS là sự kết hợp hoàn mỹ giữa vẻ đẹp thời thượng và công năng ưu việt, nhằm tôn vinh vẻ đẹp vốn có của người phụ nữ hiện đại, độc lập và tự tin với những lựa chọn của riêng mình.



Lead 125 (K2TG)

- Tiêu chuẩn (V00): Trắng đen
- Cao cấp (V01): Xanh đen, đỏ đen
- Đặc biệt (V02): Đen nhám, xanh đen (phiên bản này có ABS)

Bình xăng 6l

Cốp xe 37l

Trọng lượng
114kg

Tiêu thụ
2.1l/100km

Các công nghệ nổi bật trên LEAD 125

1. Động cơ eSP+ 125cc – 4 van

- Tiết kiệm nhiên liệu: ~2,1 lít/100 km
- Tích hợp công nghệ **Idling Stop** và bộ đề **ACG**, giúp xe vận hành êm ái và tiết kiệm nhiên liệu.

2. Hệ thống phanh

- **Phanh ABS 1 kênh** (trang bị trên phiên bản Đặc biệt): Tăng cường an toàn khi phanh gấp hoặc trên đường trơn trượt.
- **Phanh CBS** (trang bị trên phiên bản Tiêu chuẩn và Cao cấp): Phân bổ lực phanh đều giữa bánh trước và sau, đảm bảo an toàn khi vận hành.

3. Tiện ích & công nghệ

- **Khóa thông minh Smart Key**: Tích hợp chức năng báo động, giúp tăng cường bảo mật cho xe.
- **Cổng sạc USB Type-C**: Tích hợp trong hộc đựng đồ phía trước, tiện lợi cho việc sạc thiết bị di động khi di chuyển.
- **Cốp xe rộng 37 lít**: Dung tích lớn, có thể chứa được 2 mũ bảo hiểm cả đầu và nhiều vật dụng cá nhân khác.
- **Đèn soi cốp và tấm chia ngăn**: Giúp việc sắp xếp và tìm kiếm đồ đạc trong cốp dễ dàng hơn.

Đặc điểm	Tiêu chuẩn	Cao cấp	Đặc biệt
Phanh ABS trước	Không (CBS)	Không (CBS)	Có (ABS)
Khóa Smart Key	Không (Trùm màu trắng)	Có	Có
Cổng sạc USB-C	Không	Có	Có
Đèn pha LED	Không	Có	Có
Logo xe	Trắng nổi	Trắng nổi	Vàng 3D
Sơn xe	Sơn bóng	Sơn bóng	Sơn nhám
Dung tích cốp	37 lít	37 lít	37 lít
Màu sắc	Trung tính, cơ bản	Trang nhã	Sang trọng

- Tiêu chuẩn:** cơ bản, không có ABS, LED, Smart Key → giá rẻ nhất.
- Cao cấp:** trang bị đầy đủ, trừ ABS → hợp lý về hiệu năng/giá.
- Đặc biệt:** đầy đủ tính năng + sơn nhám + logo vàng + ABS → bản cao cấp nhất

HONDA vision 110

Với kiểu dáng thời trang, trẻ trung và nhỏ gọn, khả năng tiết kiệm nhiên liệu vượt trội và vô cùng bền bỉ, Vision đích thực là mẫu xe tay ga quốc dân đặc biệt được giới trẻ yêu thích.



Vision 110 (K2CJ)

- Tiêu chuẩn (V00 / V05): Trắng đen – 93kg
- Cao cấp (V02 / v07): Đỏ đen, xanh đen – 94kg
- Đặc biệt (V01 / V06): Nâu đen – 94kg
- Thể thao (V03 / V08): Đen nhám, xám đen – 97kg

Bình xăng 4,8l

Cốp xe 16l

Tiêu thụ
1,82l/100km

Các công nghệ nổi bật trên Vision 110

1. Động cơ eSP 110cc – 4 kỳ:

- Dung tích 109,5cc, làm mát bằng không khí.
- Tích hợp:
 - + Phun xăng điện tử PGM-FI
 - + Bộ đề ACG khởi động êm
 - + Hệ thống Idling Stop tự ngắt khi dừng lâu.

2. Khung sườn eSAF:

- Khung dập hàn laser thế hệ mới, nhẹ, bền, dễ điều khiển.

3. Tiện ích & An toàn:

- Khóa thông minh Smart Key (trừ bản tiêu chuẩn).
- Cổng sạc USB Type-C (trừ bản tiêu chuẩn).
- Đèn LED trước luôn sáng.
- Mặt đồng hồ analog + LCD hiện đại.

Đặc điểm	Tiêu chuẩn	Cao cấp	Đặc biệt	Thể thao
Khóa Smart Key	Không có	Có	Có	Có
Cổng sạc USB-C	Không	Có	Có	Có
Hệ thống đèn pha	Halogen	Halogen	Halogen	LED
Vành xe	Vành nan	Vành đúc	Vành đúc	Vành đúc
Cỡ bánh trước	14 inch	14 inch	14 inch	16 inch
Chiều cao yên	761 mm	761 mm	761 mm	785 mm
Khung sườn eSAF	Có	Có	Có	Có
Mặt đồng hồ	Analog + LCD	Analog + LCD	Analog + LCD	Analog + LCD
Logo & Màu sắc	Trắng đen cơ bản	Đỏ/Xanh đen bóng	Nâu đen nhám	Xám đen / Đen thể thao
Khối lượng xe	93 kg	94 kg	94 kg	97 kg

1. Thể thao là bản cao cấp nhất, có:

- Đèn pha LED (duy nhất có)
- Vành trước 16 inch (các bản khác chỉ 14 inch)
- Yên cao hơn, phù hợp người trên 1m65
- Tem thể thao, màu sơn mạnh mẽ, cá tính

2. Đặc biệt gần giống bản Cao cấp, nhưng khác:

- Logo "Vision" màu vàng
- Sơn nhám sang trọng, thay vì sơn bóng

3. Cao cấp là bản hợp lý nhất: Có bánh đúc, Smart Key, USB-C nhưng giá tốt hơn Thể thao.

4. Tiêu chuẩn là bản giá rẻ nhất, cắt giảm:

- Không Smart Key, không USB-C, không bánh đúc
- Không LED, chỉ dùng halogen



XE SÓ



HONDA FUTURE 125 FI

Với vị thế là mẫu xe số cao cấp hàng đầu Việt Nam, Future 125 Fi có thiết kế lịch lãm, đem đến sự tự tin, thể hiện phong thái của mỗi quý ông trên mọi hành trình

FUTURE (K73X)

1. TIÊU CHUẨN (0V0): Xanh đen
2. CAO CẤP (0V1): Trắng đen, xanh đen, đỏ đen
3. ĐẶC BIỆT (1V1): Đen nhám, xanh đen.

Tiêu hao nguyên liệu 1,47l/100km

Bình xăng
4,6l

Trọng lượng
104kg (tiêu chuẩn)
105kg (cao cấp & đặc biệt)



- Động cơ 125cc, phun xăng điện tử PGM-FI:** giúp xe vận hành mạnh mẽ và tiết kiệm nhiên liệu với mức tiêu thụ chỉ khoảng 1,47 lít/100 km.
- Hệ thống đèn LED toàn bộ:** Cả đèn pha và đèn hậu đều sử dụng công nghệ LED, tăng cường khả năng chiếu sáng và độ bền, đồng thời mang lại vẻ ngoài hiện đại cho xe.
- Mặt đồng hồ thiết kế mới:** Lấy cảm hứng từ bảng điều khiển của xe hơi, mặt đồng hồ được thiết kế với các thông số sắp xếp theo hình vòm rộng, dễ quan sát và tạo cảm giác cao cấp.
- Ô khóa đa năng 4 trong 1:** Bao gồm khóa điện, khóa từ, khóa cổ và khóa yên, tăng cường tính an toàn và tiện lợi cho người sử dụng.
- Hộc đựng dung tích lớn:** Có thể chứa được mũ bảo hiểm cả đầu cùng nhiều vật dụng cá nhân khác, mang lại sự tiện lợi tối đa trong quá trình sử dụng.

FUTURE (K73X)



Đặc điểm	Tiêu chuẩn	Cao cấp	Đặc biệt
Vành xe	Nan hoa	Đúc	Đúc
Phanh trước	Đĩa	Đĩa	Đĩa
Phanh sau	Tang trống	Tang trống	Tang trống
Đèn pha LED	Có	Có	Có
Logo 3D	Có	Có	Có
Sơn xe	Bóng	Bóng	Nhám
Màu sắc đặc biệt	Không	Không	Có
Giá đề xuất	~30,5 triệu	~31,7 triệu	~32,2 triệu

- Phiên bản Đặc biệt là bản cao cấp nhất: sơn nhám + màu sắc đặc biệt + vành đúc.
- Phiên bản Cao cấp có vành đúc, giá mềm hơn Đặc biệt nhưng thiếu màu sơn nhám.
- Phiên bản Tiêu chuẩn là bản rẻ nhất: sử dụng vành nan hoa, không có khác biệt thiết kế.
- Tất cả các phiên bản đều có đèn pha LED, logo 3D và phanh trước dạng đĩa.



HONDA WAVE ALPHA

Wave Alpha được trang bị động cơ 110cc với hiệu suất vượt trội nhưng vẫn đảm bảo tiết kiệm nhiên liệu tối ưu, cho bạn thêm tự tin và trải nghiệm tốt nhất trên mọi hành trình.

WAVE ALPHA (K89R)

1. TIÊU CHUẨN (V00): Trắng, đỏ, xanh
2. ĐẶC BIỆT (V30): Đen nhám
3. CỔ ĐIỂN (K89V): Vàng trắng (V41)
4. CỔ ĐIỂN (K89Y): Xám, xanh (V41)

Tiêu hao nguyên liệu 1,72l/100km

Bình xăng 3,7l

Trọng lượng 96kg



Wave Alpha 110:

- Thiết kế hiện đại, trẻ trung với bộ tem mới phong cách năng động.
- Trang bị cụm đèn trước halogen, hệ thống khóa đa năng 3 trong 1.
- Phù hợp với người dùng yêu thích sự đơn giản, tiện lợi trong di chuyển hàng ngày.

Wave Alpha Phiên Bản Cổ Điển:

- Mang đậm phong cách hoài cổ với màu sắc mới, thiết kế tinh tế cùng động cơ 110cc bền bỉ và tiết kiệm nhiên liệu vượt trội.
- Thiết kế tem xe độc đáo, mặt đồng hồ dễ quan sát, đèn chiếu sáng phía trước luôn bật sáng.
- Ổ khóa đa năng 3 trong 1, dễ sử dụng và chống rỉ sét hiệu quả



HONDA WAVE RSX

Mẫu xe số với phong cách thiết kế thể thao nhỏ gọn, mang lại hình ảnh hoàn hảo về sự trẻ trung, năng động. Trang bị động cơ PGM FI mạnh mẽ, bền bỉ, đáp ứng nhu cầu thế hệ trẻ về một chiếc xe linh hoạt, dễ điều khiển, đầy cá tính.

WAVE RSX (K90N)

1. TIÊU CHUẨN (V01): Đen, đỏ đen
2. ĐẶC BIỆT (V00): Đen bạc
3. THỂ THAO (V02): Trắng đen bạc, đỏ đen bạc, xanh đen bạc

Tiêu hao nguyên
liệu 1,56l/100km

Bình xăng
4l

Trọng lượng 97kg
Thể thao 98kg

Phiên bản Tiêu chuẩn:

- Trang bị phanh cơ, vành nan hoa.
- Thiết kế đơn giản, phù hợp với nhu cầu sử dụng cơ bản.

Phiên bản Đặc biệt:

- Trang bị phanh đĩa, vành nan hoa.
- Màu sắc đen bạc độc đáo, tạo điểm nhấn thẩm mỹ.

Phiên bản Thể thao:

- Trang bị phanh đĩa, vành đúc.
- Thiết kế thể thao, năng động với các màu sắc nổi bật như đỏ đen bạc, trắng đen bạc, xanh đen bạc.





HONDA WAVE BLADE

Mẫu xe số với phong cách thiết kế thể thao nhỏ gọn, mang lại hình ảnh hoàn hảo về sự trẻ trung, năng động.

WAVE BLADE (K57M)



1. TIÊU CHUẨN (0A3): Đen xanh, đen đỏ
2. ĐẶC BIỆT (0A0): Đen nhám
3. THỂ THAO (0A8): Đen, đen xanh, đen đỏ

Tiêu hao nguyên
liệu 1,85l/100km

Bình xăng
3,7l

Trọng lượng 98kg (tiêu chuẩn)
Đặc biệt, thể thao 99kg

Phiên bản Tiêu chuẩn:

- Trang bị phanh cơ, vành nan hoa.
- Thiết kế đơn giản, phù hợp với nhu cầu sử dụng cơ bản.

Phiên bản Đặc biệt:

- Trang bị phanh đĩa, vành nan hoa.

Phiên bản Thể thao:

- Trang bị phanh đĩa, vành đúc.
- Thiết kế thể thao, năng động với các màu sắc nổi bật.



HONDA SUPER CUB C125

Super Cub C125 với thiết kế chữ S kế thừa kiểu dáng huyền thoại của Super Cub thập niên 50, cùng động cơ SOHC, trang bị PGM-FI, mang lại khả năng vận hành mạnh mẽ và tiết kiệm nhiên liệu tối ưu, đáp ứng nhu cầu của khách hàng về một chiếc xe với sự hòa quyện hoàn hảo giữa sự chất cổ điển và nét hiện đại

SUPER CUB C125 (K0GJ)

1. TIÊU CHUẨN (061): Đen nhám
2. ĐẶC BIỆT (161): Xanh dương, xanh xám

Tiêu hao nguyên liệu 1,5l/100km

Bình xăng
3,7l

Trọng lượng
109kg



Thiết kế cổ điển kết hợp hiện đại: Super Cub C125 giữ nguyên dáng vẻ truyền thống từ dòng xe Super Cub C100 ra đời năm 1958, nhưng được tinh chỉnh với nhiều chi tiết hiện đại như đèn LED, yên xe cao cấp và lớp sơn nhũ ánh kim.

Hệ thống khóa thông minh (Smart Key): Tích hợp 3 chức năng: khởi động từ xa, tìm xe và chống trộm, tương tự như trên các mẫu xe tay ga cao cấp của Honda.

Đèn chiếu sáng LED: Cụm đèn trước và sau sử dụng công nghệ LED, mang lại hiệu suất chiếu sáng cao và tiết kiệm năng lượng.

Yên xe tách biệt: Thiết kế yên xe 2 phần tách biệt, sử dụng lớp đệm Urethane dày, tạo sự thoải mái và sang trọng cho người lái và người ngồi sau.

Hệ thống phanh ABS: Trang bị hệ thống chống bó cứng phanh ABS trên bánh trước, tăng cường độ an toàn khi phanh gấp hoặc trên mặt đường trơn trượt.



XE CÔN TAY



HONDA WINNER X

WINNER X tiếp tục khẳng định chất riêng biệt hướng tới hình ảnh một mẫu siêu mô tô thể thao cỡ nhỏ hàng đầu tại Việt Nam. Với thiết kế mạnh mẽ, kết hợp những trang bị hiện đại như trên các mẫu xe phân khối lớn, WINNER X sẵn sàng cùng các tay lái bứt tốc trên mọi hành trình khám phá.

WINNER X (K2PL)

1. TIÊU CHUẨN (V10): Trắng đen, đen bạc, đỏ đen
2. ĐẶC BIỆT (V15): Bạc đen, đen nhám, đỏ đen
3. THỂ THAO (V18): Đỏ trắng đen

Tiêu hao nguyên liệu 1,98l/100km

Bình xăng 4,5l

Trọng lượng 122kg



1. **Động cơ mạnh mẽ:** Trang bị động cơ 150cc, làm mát bằng dung dịch cho khả năng tăng tốc nhanh và vận hành ổn định ở tốc độ cao.
2. **Hệ thống phanh ABS:** Trang bị hệ thống chống bó cứng phanh ABS trên bánh trước (ở phiên bản Đặc biệt và Thể thao), tăng cường độ an toàn khi phanh gấp hoặc trên mặt đường trơn trượt.
3. **Khóa thông minh (Smart Key):** Giúp người lái dễ dàng khởi động xe mà không cần chìa khóa truyền thống, tích hợp tính năng chống trộm và định vị xe.
4. **Cổng sạc USB tiện lợi:** Trang bị cổng sạc USB loại A có nắp chống nước (ở phiên bản Đặc biệt và Thể thao)
5. **Xích có vòng phớt O:** Giúp kéo dài tuổi thọ của xích, tiết kiệm thời gian bảo dưỡng và giúp xe vận hành êm ái hơn (ở phiên bản Đặc biệt và Thể thao)

WINNER X (K2PL)

Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Đặc biệt	Thể thao
Phanh ABS	Không có	Có (bánh trước)	Có (bánh trước)
Cổng sạc USB	Không có	Có	Có
Màu sắc	Đen Bạc, Trắng Đen, Đỏ Đen	Đen Vàng, Đỏ Đen Xanh, Bạc Đen Xanh	Đỏ Đen Trắng
Tem xe	Thiết kế đơn giản	Tem phối màu nổi bật	Tem thể thao như CBR1000RR-R
Xích có vòng phớt O	Không có	Có	Có
Khóa Smart Key	Có	Có	Có
Động cơ	150cc DOHC, 4 van, làm mát bằng dung dịch	150cc DOHC, 4 van, làm mát bằng dung dịch	150cc DOHC, 4 van, làm mát bằng dung dịch
Công suất tối đa	15,4 mã lực @ 9.000 rpm	15,4 mã lực @ 9.000 rpm	15,4 mã lực @ 9.000 rpm
Mô-men xoắn cực đại	13,5 Nm @ 6.500 rpm	13,5 Nm @ 6.500 rpm	13,5 Nm @ 6.500 rpm
Hộp số	6 cấp, côn tay	6 cấp, côn tay	6 cấp, côn tay
Trọng lượng	122 kg	122 kg	122 kg
Dung tích bình xăng	4,5 lít	4,5 lít	4,5 lít
Mức tiêu thụ nhiên liệu	1,98 lít/100 km	1,98 lít/100 km	1,98 lít/100 km

- Phiên bản Tiêu chuẩn:** Phù hợp với người dùng tìm kiếm một chiếc xe côn tay cơ bản, giá cả phải chăng, thiết kế đơn giản và dễ sử dụng.
- Phiên bản Đặc biệt:** Nổi bật với màu sắc và tem xe độc đáo, trang bị thêm phanh ABS cho bánh trước, cổng sạc USB và xích có vòng phớt O, mang lại sự an toàn và tiện ích cao hơn.
- Phiên bản Thể thao:** Mang đậm phong cách thể thao với tem xe lấy cảm hứng từ CBR1000RR-R, cùng các trang bị như phiên bản Đặc biệt, phù hợp với người dùng yêu thích sự năng động và cá tính.



HONDA CBR 150R

Sở hữu khối động cơ DOHC 150cc đầy uy lực, tiện ích an toàn giúp xe vận hành mượt mà và phấn khích. CBR150R tự hào mang tinh thần mô tô thể thao đặc trưng của Honda, là đáp án cho ai đang tìm mảnh ghép của cuộc sống năng động.

CBR 150R (K45R)

1. TIÊU CHUẨN (V15): Đen đỏ
2. ĐẶC BIỆT (V17): Đen xám
3. THỂ THAO (V13): Đỏ

Tiêu hao nhiên liệu 2,91l/100km

Bình xăng 12l

Trọng lượng 139kg



1. **Động cơ mạnh mẽ:** Trang bị động cơ 150cc DOHC, 4 kỳ, làm mát bằng dung dịch, cho khả năng tăng tốc nhanh và vận hành ổn định ở tốc độ cao.
2. **Hệ thống phanh ABS hai kênh:** Trang bị hệ thống chống bó cứng phanh ABS trên cả bánh trước và sau (ở phiên bản Đặc biệt và Thể thao), tăng cường độ an toàn khi phanh gấp hoặc trên mặt đường trơn trượt.
3. **Bộ ly hợp hỗ trợ và chống trượt hai chiều (Assist & Slipper Clutch):** Giúp chuyển số mượt mà hơn, hạn chế trượt bánh khi dồn số gấp và giúp côn bόp nhẹ hơn, mang lại trải nghiệm lái thoải mái và phấn khích hơn.
4. **Hệ thống đèn LED toàn bộ:** Cụm đèn pha LED hai tầng với chức năng riêng biệt: đèn ban ngày tầng trên và đèn pha/cos tầng dưới, mang lại khả năng chiếu sáng tối ưu và tăng tính thẩm mỹ cho xe.
5. **Đồng hồ kỹ thuật số LCD hiện đại:** Hiển thị đầy đủ các thông số kỹ thuật như tốc độ, vòng tua máy, cấp số, báo xăng và xi nhan, giúp người lái dễ dàng quan sát khi vận hành xe.
6. **Giảm xóc hành trình ngược (Upside Down):** Trang bị giảm xóc hành trình ngược sơn mạ vàng giúp toàn bộ phần trước của xe trở nên cứng cáp, tăng độ êm ái mang lại sự tự tin di chuyển cho người lái.
7. **Đèn tín hiệu dừng khẩn cấp (ESS):** Hệ thống đèn cảnh báo dừng đột ngột sẽ báo hiệu cho các phương tiện xung quanh có thể kịp thời phản ứng trong trường hợp xe phanh khẩn cấp.

CBR 150R ()

Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Đặc biệt	Thể thao
Phanh ABS	Không có	Có	Có
Màu sắc	Đen Đỏ	Đen Xám	Đỏ
Tem xe	Thiết kế đơn giản	Tem phối màu nổi bật	Tem MotoGP
Động cơ	150cc DOHC, 4 kỳ, làm mát bằng dung dịch	150cc DOHC, 4 kỳ, làm mát bằng dung dịch	150cc DOHC, 4 kỳ, làm mát bằng dung dịch
Công suất tối đa	16,9 mã lực @ 9.000 rpm	16,9 mã lực @ 9.000 rpm	16,9 mã lực @ 9.000 rpm
Mô-men xoắn cực đại	14,4 Nm @ 7.000 rpm	14,4 Nm @ 7.000 rpm	14,4 Nm @ 7.000 rpm
Hộp số	6 cấp, côn tay	6 cấp, côn tay	6 cấp, côn tay
Trọng lượng	139 kg	139 kg	139 kg
Dung tích bình xăng	12 lít	12 lít	12 lít
Mức tiêu thụ nhiên liệu	2,91 lít/100 km	2,91 lít/100 km	2,91 lít/100 km

- Phiên bản Tiêu chuẩn:** Phù hợp với người dùng tìm kiếm một chiếc xe côn tay cơ bản, giá cả phải chăng, thiết kế đơn giản và dễ sử dụng.
- Phiên bản Đặc biệt:** Nổi bật với màu sắc và tem xe độc đáo, trang bị thêm phanh ABS cho cả bánh trước và sau, mang lại sự an toàn cao hơn.
- Phiên bản Thể thao:** Mang đậm phong cách thể thao với tem xe lấy cảm hứng từ MotoGP, cùng các trang bị như phiên bản Đặc biệt, phù hợp với người dùng yêu thích sự năng động và cá tính.



•XE ĐIỆN



HONDA ICON E

Mẫu xe gắn máy điện ICON e: lần đầu tiên được Honda giới thiệu tại thị trường Việt Nam, với thiết kế cao cấp và nhỏ gọn, nhiều tiện ích cùng công nghệ hiện đại, là người bạn đồng hành cho các bạn trẻ trong thời đại mới.

HONDA ICON E (G5RF)



1. CAO CẤP (V00): Đen xám, trắng xám, đỏ xám
2. ĐẶC BIỆT (V02): Bạc nhám
3. THỂ THAO (V01): Xanh, xám

Phạm vi hoạt động
71km/lần sạc

Thời gian sạc
8 tiếng

Trọng lượng
89kg

Tốc độ tối đa
50km/h

Dung tích cốp
26l

- Động cơ điện tích hợp:** Công suất 1,5 kW, mô-men xoắn 85 Nm, cho khả năng vận hành mượt mà và tiết kiệm năng lượng.
- Pin Lithium-ion:** Dung lượng 30,6 Ah, đạt chuẩn chống nước IP67, có thể sạc trực tiếp trên xe hoặc tháo rời để sạc, thời gian sạc đầy khoảng 8 giờ.
- Chế độ lái ECO:** Giúp tiết kiệm năng lượng, kéo dài quãng đường di chuyển thêm khoảng 15% so với chế độ tiêu chuẩn, phù hợp cho người mới sử dụng xe máy điện.
- Hệ thống phanh CBS:** Phân phối lực phanh đều giữa bánh trước và sau, tăng cường độ an toàn khi phanh gấp hoặc trên mặt đường trơn trượt.
- Hệ thống đèn LED toàn bộ:** Bao gồm đèn pha, đèn hậu và đèn xi nhan, mang lại khả năng chiếu sáng tốt và tiết kiệm năng lượng.
- Màn hình LCD đơn sắc:** Hiển thị đầy đủ các thông số như tốc độ, trạng thái pin, chế độ lái, giúp người lái dễ dàng quan sát khi vận hành xe.
- Cổng sạc USB tiện lợi:** Được trang bị trong hộc đồ phía trước, cho phép sạc điện thoại hoặc các thiết bị điện tử khi đang di chuyển.



THANKS !!!